

Slide 1

TÍN DỤNG TRUNG VÀ DÀI HẠN

cho các doanh nghiệp

Ph.D NGUYỄN THỊ LAN

Slide 2

NỘI DUNG:

I

- NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TÍN DỤNG TRUNG VÀ DÀI HẠN

II

- CÁC HÌNH THỨC TÍN DỤNG TRUNG VÀ DÀI HẠN

III

- NGHIỆP VỤ CHO VAY TRUNG VÀ DÀI HẠN

Slide 3

I-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TÍN DỤNG TRUNG, DÀI HẠN

- 1.1 SỰ CẦN THIẾT CỦA TÍN DỤNG TRUNG VÀ DÀI HẠN CHO DOANH NGHIỆP
- 1.2 CÁC NGUỒN VỐN HÌNH THÀNH NÊN NGUỒN CHO VAY TRUNG, DÀI HẠN
- 1.3 ĐIỀU KIỆN CHO VAY TRUNG, DÀI HẠN

Slide 4

1.1. SỰ CẦN THIẾT CỦA TÍN DỤNG TRUNG VÀ DÀI HẠN

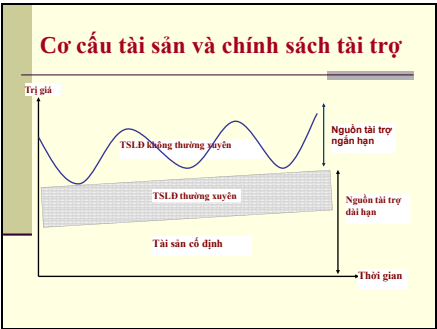
1.1.1 Nhu cầu vốn trung dài hạn của doanh nghiệp:

- Mua sắm TSCĐ & TSLĐ thường xuyên
- Thực hiện dự án đầu tư (mở rộng sản xuất, đổi mới công nghệ,...)



DN tìm nguồn tài trợ cho các nhu cầu vốn trung dài hạn ở đâu?

Slide 5



Slide 6

VÌ SAO DN LỰA CHON VAY VỐN TRUNG, DÀI HẠN CỦA NGÂN HÀNG?

- Do DN khó hoặc không thể phát hành chứng khoán để huy động vốn
- Do các doanh nghiệp không muốn phát hành chứng khoán
- Trong nhiều trường hợp vay trung, dài hạn có nhiều ưu việt hơn phát hành chứng khoán.

Slide 7

1.2. CÁC NGUỒN VỐN HÌNH THÀNH NỀN
NGUỒN CHO VAY TRUNG, DÀI HẠN

- Tiền gửi có kỳ hạn từ trên 1 năm
- Nguồn phát hành trái phiếu
- Vay từ công ty mẹ
- Một phần vốn tự có
- Nguồn khác (vay dài hạn của NH nước ngoài, vốn ủy thác của nhà nước, vốn ngắn hạn...)

Slide 8

1.3. ĐIỀU KIỆN CHO VAY TRUNG, DÀI HẠN

NH cho DN vay vốn trung, dài hạn khi DN đủ ĐK:

- Có năng lực pháp lý
- Mục đích sử dụng vốn vay hợp pháp
- Có khả năng tài chính đảm bảo trả nợ trong thời gian cam kết
- Dự án đầu tư có tính khả thi và tính toán được hiệu quả trực tiếp.
- Thực hiện các quy định về đảm bảo tiền vay

Slide 9

II- CÁC HÌNH THỨC TÍN DỤNG
TRUNG, DÀI HẠN

2.1 Cho vay mua sắm máy móc- thiết bị trả góp

2.2. Cho vay kỳ hạn (từ trên 1 năm)

2.3 Tín dụng tuần hoàn

2.4 Tín dụng thuê mua

Slide 10

Cho vay mua sắm máy móc- thiết bị trả góp là gì?

- Đó là các khoản cho vay có thời hạn trên 1 năm, nhằm tài trợ cho nhu cầu mua sắm MM-TB của doanh nghiệp. Tiền vay được thanh toán dần cho NH theo định kỳ.

Slide 11

Cho vay kỳ hạn (term loan)?

- Đó là những khoản cho vay có kỳ hạn từ trên 1 năm nhằm tài trợ cho những mục đích chung của doanh nghiệp.
- **Mục đích:**
 - Tài trợ cho nhu cầu TSLĐ thường xuyên;
 - Đầu tư vào bất động sản, các thiết bị SX;
 - Góp vốn liên doanh...

Slide 12

Tín dụng tuần hoàn?

- Đó là một hình thức cho vay, trong đó NH cam kết chính thức dành cho khách hàng một hạn mức tín dụng trong một thời hạn dài (1-3 năm).
- **Mục đích:**
 - Tài trợ cho nhu cầu tăng trưởng của TSLĐ thường xuyên.
 - Thay thế các khoản nợ ngắn hạn tới kỳ hạn trả.
- **Lưu ý:**
 - DN chỉ phải trả lãi trên khoản thực vay.
 - Phần hạn mức còn lại thì phải trả phí cam kết.

Slide 13

III- NGHIỆP VỤ CHO VAY TRUNG VÀ DÀI HẠN

- 3.1 Xác định hạn mức cho vay
- 3.2 Xác định nguồn trả nợ
- 3.3 Xác định thời hạn cho vay và kỳ hạn trả nợ
- 3.4 Xác định lãi suất cho vay
- 3.5 Bảo đảm tiền vay
- 3.6 Giải ngân và quản lý khoản vay
- 3.7 Xác định số tiền vay thanh toán từng định kỳ

Slide 14

3.1 Xác định mức cho vay

- **Khái niệm:** Hạn mức tín dụng trung, dài hạn là số dư nợ cao nhất mà NH có thể cấp tín dụng cho một DN hay một dự án đầu tư trong một kỳ.
- **Phương pháp xác định HMTD trung, dài hạn :**
 $HMTD = Tổng\ dự\ toán\ chi\ phí - (nguồn\ vốn\ tự\ có + nguồn\ vốn\ khác)$
- **Lưu ý:** HMTD phải thực hiện đúng giới hạn tín dụng được quy định tại Luật các tổ chức tín dụng và được hướng dẫn chi tiết tại Thông tư 13/2010/TT-NHNN:

Slide 15

3.1 Xác định mức cho vay

(tiếp theo)

- **Giới hạn tín dụng** (Mức cho vay tối đa): Theo Thông tư 13/2010/TT-NHNN:
 - Tổng dư nợ cho vay đối với **một khách hàng** $\leq 15\%$ vốn tự có (VTC) của TCTD.
 - Tổng dư nợ cho vay đối với **một nhóm khách hàng có liên quan** $\leq 50\%$ VTC của TCTD.
 - Tổng dư nợ cho thuê tài chính đối với **một khách hàng** $\leq 30\%$ VTC của công ty cho thuê tài chính.
 - Tổng dư nợ cho thuê tài chính đối với **một nhóm khách hàng có liên quan** $\leq 50\%$ VTC của c.ty cho thuê TC.

**Trường hợp vượt giới hạn HMTD thì xử lý ntn?**

Slide 16

3.2 Xác định nguồn trả nợ

- **Bao gồm:**
 - *Khấu hao*
 - *Lợi nhuận dùng để trả nợ*
 - *Nguồn khác*
- **Công thức tổng quát:**

Nguồn trả nợ = Khấu hao + Lợi nhuận dùng để trả nợ + Nguồn khác

Slide 17

3.2 Xác định nguồn trả nợ (tiếp)

- **Phương pháp nguồn trả nợ khả dụng (Funds Available To Service Additional Term Loan Approach- FATSATL)- phương pháp FATSATL**
- **FATSATL=(ATX +NCC)-D-FX-CMLTD-ΔINT-ΔWC**
- Trong đó:
 - FATSATL : là nguồn trả nợ khả dụng của DN
 - ATX: Lợi nhuận sau thuế
 - NCC: chi phí ko phát sinh chi tiền (Khấu hao TSCĐ, thuế hoãn nộp...)
 - D: Khoản chi có tức (nếu có)
 - FX: Khoản chi tiêu mua sắm TSCĐ
 - CMLTD: Ngạch hạn đến hạn trả
 - ΔINT: Lãi phải trả cho khoản vay MSD
 - ΔWC: Phần giá trị tăng thêm trong TSLĐ

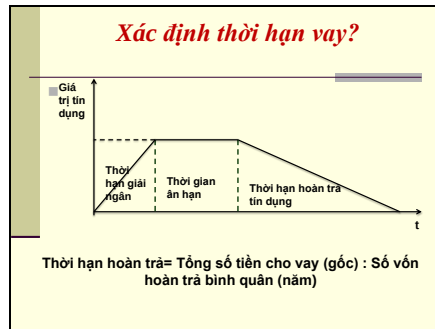
Slide 18

3.3 Xác định thời hạn cho vay và kỳ hạn trả nợ

3.3.1 Xác định thời hạn vay:

THỜI HẠN CHO VAY		
Thời hạn chuyển giao tín dụng (Giải ngân)	Thời hạn ưu đãi tín dụng (ân hạn)	Thời hạn hoàn trả tín dụng (Thời gian trả nợ)

Slide 19



Slide 20

Kỳ hạn trả nợ

■ Các phương án lựa chọn kỳ hạn trả nợ:

- Các kỳ hạn trả nợ đều nhau
- Các kỳ hạn có tính chất thời vụ
- Kỳ hạn trả nợ chỉ có một lần vào lúc kết thúc thời hạn vay

 Lựa chọn phương án nào?

Slide 21

Lựa chọn kỳ hạn trả nợ?

• **Lựa chọn kỳ hạn trả nợ cần căn cứ vào thời lượng (D) của các phương án trả nợ:**

$$D = \frac{\sum_{t=1}^n CF_t \times t}{\sum_{t=1}^n \frac{CF_t}{(1+r)^t}}$$

Trong đó:

- CF_t là khoản tiền DN trả nợ cho ngân hàng năm thứ t.
- n là kỳ hạn vay.
- r là lãi suất cho vay tính theo kỳ (t)

- Nếu khách hàng vay có rủi ro cao > D ngắn
 - Nếu khách hàng vay có rủi ro thấp < D dài

Slide 22

Ví dụ:

Ngân hàng ACB cho doanh nghiệp X vay 10 tỷ đồng, thời hạn 3 năm với lãi suất 10%/năm. Việc hoàn trả vốn và lãi được lựa chọn một trong 3 phương án sau đây:

- *P/án 1:* Vốn gốc và lãi được hoàn trả 1 lần vào lúc đáo hạn.
- *P/án 2:* Lãi được hoàn trả mỗi năm, vốn gốc được hoàn trả 1 lần vào lúc đáo hạn.
- *P/án 3:* Vốn gốc và lãi được thanh toán đều nhau trong thời hạn vay.

Hãy lựa chọn phương án trả nợ của DN X?

Slide 23

Xác định thời lượng của các phương án

P/án trả nợ	Năm 0 (tỷ đ)	Năm 1 (tỷ đ)	Năm 2 (tỷ đ)	Năm 3 (tỷ đ)	Thời lượng D (năm)
P/án 1	10	0	0	13,31	3
P/án 2	10	1	1	11,00	2,7
P/án 3	10	4,0211	4,0211	4,0211	1,94

Slide 24

3.4 Xác định lãi suất cho vay

Lãi suất thị trường

Số tiền vay

Xác định lãi suất cho vay

Loại khách hàng

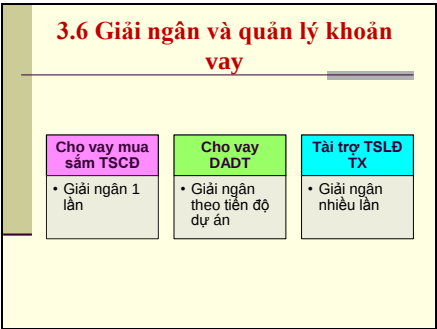
Thời hạn vay

Lãi suất cho vay= Lãi suất huy động + phí suất tín dụng

Slide 25



Slide 26



Slide 27

3.7 Xác định số tiền vay thanh toán từng định kỳ

❖ **TH1:** Vốn gốc được thanh toán đều nhau và lãi được tính theo số dư nợ còn lại:

$$T_{(t)} = T_v + T_{L(t)}$$
$$T_v = \frac{V}{n} \qquad T_{L(t)} = [V - (t-1)T_v] \times r$$

* Trong đó:

- $T(t)$ là số tiền thanh toán ở kỳ t
- T_v là số vốn gốc phải thanh toán mỗi kỳ
- $T_L(t)$ là lãi phải thanh toán trong kỳ t
- V là vốn gốc; n là kỳ hạn thanh toán;
- r là lãi suất cho vay (tương ứng với kỳ hạn)

Slide 28

Bài tập 1:

- Ngân hàng A cho doanh nghiệp X vay vốn trung, dài hạn để mua một máy ép cacao. Giá bán của máy ép cacao cần mua là 700 tr. đồng. Số vốn đối ứng doanh nghiệp tham gia là 200 tr. đồng. Số tiền cần vay là 500 tr.đ, với thời hạn vay là 5 năm. Lãi suất cho vay là 10%/năm. Ngân hàng áp dụng: **vốn gốc được thanh toán đều nhau và lãi được tính theo số dư nợ còn lại.**
- Hãy xác định tiền vay thanh toán mỗi định kỳ?

Slide 29

BT 1: Tiền vay thanh toán mỗi định kỳ

Đơn vị: 1000 đ

STT	Số tiền cho vay đầu kỳ	Tiền vay phải thanh toán			Tiền vay còn lại cuối kỳ
		Tổng số	Vốn gốc	Lãi	
1	500.000	150.000	100.000	50.000	400.000
2	400.000	140.000	100.000	40.000	300.000
3	300.000	130.000	100.000	30.000	200.000
4	200.000	120.000	100.000	20.000	100.000
5	100.000	110.000	100.000	10.000	
	Tổng số	650.000	500.000	150.000	

Slide 30

3.7 Xác định số tiền vay thanh toán từng định kỳ

- ❖ **TH 2a:** Vốn gốc được thanh toán đều nhau và lãi được tính (**theo lãi đơn**) theo số vốn gốc đã hoàn trả:

$$T_{(t)} = T_v + T_{L(t)}$$

$$T_v = \frac{V}{n}$$

$T_{L(t)} = T_v \times rt$

Slide 31

3.7 Xác định số tiền vay thanh toán từng định kỳ

❖ **TH2b:** Vốn gốc được thanh toán đều nhau và lãi được tính (theo lãi suất tích hợp) theo số vốn gốc đã hoàn trả:

$$T_{(t)} = T_v + T_{L(t)}$$

$$T_v = \frac{V}{n}$$

$$T_{L(t)} = T_v [(1+r)^t - 1]$$

Slide 32

Bài tập 2a:

■ Ngân hàng A cho doanh nghiệp X vay vốn trung, dài hạn để mua một máy ép cọc. Giá bán của máy ép cọc cần mua là 700 tr. đồng. Số vốn đối ứng doanh nghiệp tham gia là 200 tr. đồng. Số tiền cần vay là 500 tr.đ, với thời hạn vay là 5 năm. Lãi suất cho vay là 10%/năm. Ngân hàng áp dụng: **vốn gốc được thanh toán đều nhau và lãi được tính theo vốn gốc hoàn trả**.

■ Hãy xác định tiền vay thanh toán mỗi định kỳ?

Slide 33

BT 2a: Tiền vay thanh toán mỗi định kỳ
(tiền lãi được tính theo lãi suất đơn)

Đơn vị: 1000 đ

STT	Số tiền cho vay đầu kỳ	Tiền vay phải thanh toán			Tiền vay còn lại cuối kỳ
		Tổng số	Vốn gốc	Lãi	
1	500.000	110.000	100.000	10.000	400.000
2	400.000	120.000	100.000	20.000	300.000
3	300.000	130.000	100.000	30.000	200.000
4	200.000	140.000	100.000	40.000	100.000
5	100.000	150.000	100.000	50.000	0
	Tổng số	650.000	500.000	150.000	

BT 3: Tiền vay thanh toán mỗi định kỳ tính theo phương pháp hiện giá					
Đơn vị: đ					
ST T	Số tiền cho vay đầu kỳ	Tiền vay phải thanh toán			Tiền vay còn lại cuối kỳ
		Tổng số	Vốn gốc	Lãi	
1	500.000.000	131.898.74	81.898.740	50.000.000	418.101,26
2	418.101.260	131.898.740	90.088.614	41.810.126	328.012.646
3	328.012.646	131.898.740	99.097.476	32.801.264	228.915.170
4	228.915.170	131.898.740	109.007.223	22.891.517	119.907.947
5	119.907.947	131.898.740	119.907.947	11.990.793	0
	Tổng số	659.493.700	500.000.000	159.493.700	
